

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân.

Ông Vũ Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Anh H và chị T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 23/02/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và anh H nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Nay anh H xác nhận:

Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ do vậy anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 30/3/2006, Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018. Cháu D đã thành niên, anh H không yêu cầu giải quyết, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và T1. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, anh H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt theo quy định. Chị T thống nhất với anh H về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và phần con chung anh H đã trình bày. Chị T muốn giữ một gia đình trọn vẹn cho các con nên chị không đồng ý ly hôn và không có ý kiến về phần con chung và tài sản chung. Do chị T bận đi làm nên chị xin vắng mặt tại các thủ tục tố tụng tại Tòa án.

Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Bùi Tiến T có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Kết quả cho thấy: Anh H và chị T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống và nghi ngờ lẫn nhau. Anh H và chị T có 03 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 30/3/2006, Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018. Anh H làm thợ cơ khí, còn chị T buôn bán thịt lợn tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh H được ly hôn với chị T.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh H có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị T có nơi cư trú tại xã An Hòa, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa án: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh H và chị T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét, anh H và chị T có tính cách, quan điểm không hợp nhau lại nghi ngờ lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có 03 con chung là Bùi Quang D, sinh ngày 30/3/2006, Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018. Cháu D đã thành niên, anh H không yêu cầu giải quyết, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và T1 còn chị T không có ý kiến về phần con chung. Xét thấy, anh H là người có thu nhập nên có điều kiện nuôi con. Việc giao con chung theo yêu cầu của anh H là phù hợp điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi, nguyện vọng của con cũng như các quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018 cho anh H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh H, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Bùi Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Tiến T, sinh ngày 21/02/2008 và Bùi Phúc T1, sinh ngày 14/7/2018 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con anh H không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này anh H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008545 ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã An Hòa, huyện An Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính